

Số: 1429/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 13 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự toán thu - chi tài chính năm 2024
của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 1951/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam tại Tờ trình số 01/TTr-HĐQL ngày 27/5/2024 và Sở Tài chính tại Công văn số 1826/STC-DN ngày 10/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán thu - chi tài chính năm 2024 của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam, như sau:

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường tổ chức triển khai thực hiện dự toán, quản lý thu - chi tài chính đảm bảo đúng quy định và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ cho UBND tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

2. Sở Tài chính, Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Quyền Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- PCVP Võ Văn Viên;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu

Phụ lục
DỰ TOÁN THU - CHI TÀI CHÍNH NĂM 2024
CỦA QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số #sovb /QĐ-UBND ngày #nbh/6/2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)

DVT: Triệu đồng

| STT | Nội dung | Dự toán năm 2024 | Ghi chú |
|-----------|--|---------------------|------------|
| I | Doanh thu của Quỹ | 5,060 | |
| 1 | Thu hoạt động nghiệp vụ | 4,060 | |
| | Doanh thu lãi cho vay đầu tư: <i>Dư nợ cho vay x lãi suất cho vay</i> <i>10.000trđ*3,6%/năm</i> | 360 | |
| | Doanh thu lãi tiền gửi phát sinh từ tiền ký quỹ bảo vệ môi trường: <i>Dư nợ tiền gửi ngân hàng tiền ký quỹ x lãi suất tiền gửi bình quân</i> <i>74.000trđ*5%/năm</i> | 3,700 | |
| 2 | Thu từ hoạt động tài chính: <i>Dư nợ tiền gửi ngân hàng nguồn vốn Quỹ x lãi suất tiền gửi bình quân</i> <i>20.000trđ*5%/năm</i> | 1,000 | |
| II | Chi phí của Quỹ | 4,684 | |
| 1 | Chi phí hoạt động nghiệp vụ | 3,402 | |
| a | Phí ủy thác giải ngân cho vay, hỗ trợ, tài trợ (2%/năm/tổng dư nợ giải ngân cho vay, hỗ trợ, tài trợ) | 200 | |
| | Phí ủy thác quản lý tiền ký quỹ (1%/năm/tổng số tiền ký quỹ) <i>(74.000trđ x 1%/năm)*7,5 tháng/ 12 tháng</i> | 463 | |
| b | Chi phí trích lập dự phòng rủi ro cho vay | 75 | |
| c | Chi trả lãi ký quỹ (lãi suất 3,6%/năm) <i>(74.000trđ x 3,6%/năm)</i> | 2,664 | |
| 2 | Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho các thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc, Phụ trách kế toán, Tổ giúp việc HĐQT | 1,082 | |
| | - Chủ tịch HĐQT: | 100.56 | |
| | + <i>Phụ cấp kiêm nhiệm truy lĩnh năm 2022:</i> <i>1(người)*2*1,49(trđ)*6(tháng)</i> | 17.88 | |
| | + <i>Phụ cấp kiêm nhiệm truy lĩnh năm 2023:</i> <i>1(người)*2*1,49(trđ)*6(tháng) + 1(người)*2*1,8(trđ)*6(tháng)</i> | 39.48 | |
| | + <i>Phụ cấp kiêm nhiệm năm 2024:</i> <i>1(người)*2*1,8(trđ)*12(tháng)</i> | 43.20 | |
| | - Phó Chủ tịch HĐQT: | 181.01 | |
| | + <i>Phụ cấp kiêm nhiệm truy lĩnh năm 2022:</i> <i>2(người)*1,8*1,49(trđ)*6(tháng)</i> | 32.18 | |
| | + <i>Phụ cấp kiêm nhiệm truy lĩnh năm 2023:</i> <i>2(người)*1,8*1,49(trđ)*6(tháng) + 2(người)*1,8*1,8(trđ)*6(tháng)</i> | 71.06 | |
| | + <i>Phụ cấp kiêm nhiệm năm 2024:</i> <i>2(người)*1,8*1,8(trđ)*12(tháng)</i> | 77.76 | |

| | | | |
|------------|--|------------|--|
| | - Thành viên HĐQT: | 301.68 | |
| | + Phụ cấp kiêm nhiệm truy lĩnh năm 2022: 4(người)*1,5*1,49(trđ)*6(tháng) | 53.64 | |
| | + Phụ cấp kiêm nhiệm truy lĩnh năm 2023: 4(người)*1,5*1,49(trđ)*6(tháng) + 4(người)*1,5*1,8trđ*6(tháng) | 118.44 | |
| | + Phụ cấp kiêm nhiệm năm 2024: 4(người)*1,5*1,8trđ*12(tháng) | 129.60 | |
| | - Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phụ trách kế toán: | 212.85 | |
| | + Phụ cấp kiêm nhiệm truy lĩnh năm 2022: 3(người)*1,5*1,49(trđ)*4(tháng) | 26.82 | |
| | + Phụ cấp kiêm nhiệm truy lĩnh năm 2023: 3(người)*1,5*1,49(trđ)*6(tháng) + 3(người)*1,5*1,8(trđ)*6(tháng) | 88.83 | |
| | + Phụ cấp kiêm nhiệm năm 2024: 3(người)*1,5*1,8(trđ)*12(tháng) | 97.20 | |
| | - Tổ giúp việc HĐQT: | 286.31 | |
| | + Phụ cấp kiêm nhiệm truy lĩnh năm 2022: 5(người)*1,25*1,49(trđ)*3(tháng) | 27.94 | |
| | + Phụ cấp kiêm nhiệm truy lĩnh năm 2023: 5(người)*1,25*1,49(trđ)*6(tháng) + 5(người)*1,25*1,8(trđ)*6(tháng) | 123.38 | |
| | + Phụ cấp kiêm nhiệm năm 2024: 5(người)*1,25*1,8(trđ)*12(tháng) | 135.00 | |
| 3 | Chi phí quản lý | 200 | |
| | Chi mua phần mềm kế toán, CCDC, Văn phòng phẩm, tài liệu phục vụ công tác của HĐQT, phí gửi công văn | 50 | |
| | - Mua phần mềm kế toán, CCDC | 20 | |
| | - Văn phòng phẩm | 15 | |
| | - Tài liệu phục vụ công tác của HĐQT | 3 | |
| | - Phí gửi công văn | 12 | |
| | Chi Hội nghị, hội họp, tiếp khách | 50 | |
| | Chi nhiên liệu, công tác phí | 50 | |
| | Chi khác (chi phí quảng cáo, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác) | 50 | |
| III | Chênh lệch thu - chi | 376 | |
| IV | Nghĩa vụ với ngân sách (5%/lãi tiền gửi) | 235 | |
| V | Chênh lệch thu - chi sau khi thực hiện nghĩa vụ với NSNN | 141 | |